

NHU CẦU TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CỦA HỌC SINH MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TS. HOÀNG GIA TRANG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Tư vấn hướng nghiệp (TVHN) có vai trò quan trọng giúp học sinh (HS) lựa chọn ngành học, nghề nghiệp tương lai phù hợp với năng lực, sở thích của bản thân và đáp ứng nhu cầu xã hội. Nghị quyết số 29 tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo* ⁽¹⁾ đã nêu rõ: *"Bảo đảm cho HS có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh"*. Để làm được điều đó, công tác TVHN trong trường trung học cơ sở (THCS) cần được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả hơn. Trên thực tế, công tác TVHN thường được quan tâm, tổ chức cho HS ở cuối bậc trung học phổ thông (THPT). Tuy nhiên, hiệu quả hướng nghiệp còn nhiều hạn chế do cách tổ chức thiếu chuyên nghiệp. Trước những tồn tại của công tác TVHN hiện nay, chúng tôi đã tìm hiểu nhận thức và nhu cầu về TVHN của HS 04 trường THCS tại Hà Nội là THCS Lý Thường Kiệt, Thịnh Quang, Tân Lập và Phương Đình. Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm rằng: *Nhu cầu TVHN là nhu cầu về các nội dung, hình thức và lực lượng tư vấn có liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp. Dựa trên cơ sở đó mỗi cá nhân sẽ có sự lựa chọn cho mình một nghề nghiệp tương lai phù hợp.*

2. Nhu cầu về TVHN của HS THCS

2.1. Nhu cầu về nội dung TVHN

Trước hết, chúng tôi muốn tìm hiểu nhu cầu về nội dung TVHN của HS. Nghĩa là HS mong muốn được tư vấn về những nội dung nào khi tham gia vào hoạt động hướng nghiệp. Mỗi HS sẽ chỉ ra 3 hoạt động mà mình mong muốn nhất trong hoạt động TVHN. Kết quả được trình bày trong bảng số liệu dưới đây (Xem bảng 1). Xét theo địa bàn thì 3 nội dung mong muốn nhất của HS thành phố là: Thông tin về thế giới nghề nghiệp; đánh giá sự phù hợp của bản thân với nghề nghiệp mong muốn; trắc nghiệm khám phá bản thân. Còn đối với HS nông thôn, 3 nội dung quan trọng nhất là: Thông tin về thế giới nghề nghiệp; đánh giá sự phù hợp của bản thân với nghề nghiệp mong muốn; thông tin về các ngành học, chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo. Thông qua những nội dung mong muốn nhất của HS thành phố, chúng ta thấy rằng, dường như các em quan tâm nhiều hơn đến khám phá năng

lực, sở thích của bản thân. Trong khi đó, HS nông thôn có vẻ mong muốn nhiều hơn những thông tin về thế giới nghề nghiệp và ngành học, cơ sở đào tạo. Điều này có thể giải thích rằng, tại các địa bàn nông thôn của Hà Nội, các ngành nghề phi nông nghiệp không nhiều; các cơ sở giáo dục, đào tạo cũng rất hạn chế. Do đó, để định hướng nghề nghiệp tương lai, các em mong muốn được cung cấp thông tin về thị trường lao động và các cơ sở giáo dục đào tạo. Qua số liệu thu thập được, chúng tôi thấy rằng, giữa HS thành phố và nông thôn có 5 nội dung khác biệt có ý nghĩa thống kê thể hiện ở các mục 1, 3, 4, 6, 8 của bảng số 1. Theo đó, HS thành phố có tỉ lệ cao hơn ở những nội dung liên quan đến yếu tố cá nhân như: Trắc nghiệm khám phá bản thân; cách đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Còn đối với HS nông thôn, các em chiếm tỉ lệ cao hơn ở các yếu tố mang tính cung cấp thông tin cho các em như: Thông tin về thế giới nghề nghiệp; thông tin về các ngành học, chương trình đào tạo và cơ sở đào tạo; Giải đáp các thắc mắc về tuyển sinh trung cấp, cao đẳng, đại học. Như vậy, có thể nói rằng, HS thành phố và nông thôn có nhu cầu khác nhau về nội dung TVHN.

Xét theo giới tính, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, 3 nội dung mà cả HS nam và nữ mong muốn được tư vấn nhiều nhất là: Thông tin về thế giới nghề nghiệp; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với nghề nghiệp mong muốn; Trắc nghiệm khám phá bản thân. Như thế, HS THCS mong muốn được hiểu hơn về bản thân mình để lựa chọn nghề nghiệp tương lai phù hợp. Trong 3 nội dung vừa đề cập trên, chỉ có một sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở nội dung "Đánh giá sự phù hợp của bản thân với nghề nghiệp mong muốn". HS nữ chiếm tỉ lệ cao hơn HS nam. Điều đó có nghĩa rằng, HS nữ mong muốn được đánh giá sự phù hợp của bản thân đối với nghề nghiệp nhiều hơn HS nam. Thực trạng này có thể xuất phát từ việc các em gái ít tự tin vào bản thân và sự thành công trong tương lai nên các em mong muốn được trắc nghiệm, đánh giá khả năng của bản thân mình để đảm bảo sự lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Ngoài ra, chúng tôi còn nhận thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa em gái và em trai ở các nội dung cần tư vấn như: Nhu cầu thông tin về thị trường lao động; giải quyết sự khác biệt giữa mong muốn của HS và cha mẹ về lựa chọn nghề nghiệp. Cả hai nội dung này, tỉ lệ HS nam

1. Nghị quyết số 29, Hội nghị TW 8, Khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục..."

đều cao hơn HS nữ. Điều này cho thấy, một phần HS nam chủ động trong việc tìm kiếm thông tin về thị trường lao động; đồng thời, các em cũng chịu áp lực nghề nghiệp do cha mẹ dự định. Theo tâm lý truyền thống, con trai thường là người chăm sóc và là người tiếp nối của dòng họ. Trong đó, nghề nghiệp rất được cha mẹ quan tâm, coi trọng. Một số trường hợp, nghề nghiệp của con cái là do cha mẹ sắp xếp, lựa chọn. Vì thế, việc giải quyết sự mâu thuẫn, khác biệt trong lựa chọn nghề nghiệp giữa cha mẹ và con cái cũng được HS nêu ra trong hoạt động TVHN.

Theo học lực của HS, chúng tôi thấy rằng, không có sự khác biệt về 3 nội dung cơ bản mà các em mong muốn được tư vấn. Trước hết, cả HS khá-giỏi và trung bình đều muốn được tư vấn về: Thế giới nghề nghiệp; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với nghề nghiệp mong muốn; Thông tin các ngành học, chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo. Như vậy, HS rất mong muốn có được những thông tin đầy đủ, chính xác về các ngành nghề khác nhau trong xã hội, về triển vọng nghề. Đồng thời, các em cũng muốn được tư vấn về các ngành học, chương trình học và cơ sở đào tạo các ngành học đó. Đây là hai nội dung được HS nhắc đến nhiều nhất. Ngoài ra, các em cũng mong muốn được tìm hiểu và xem xét khả năng phù hợp của bản thân và nghề nghiệp dự định trong tương lai. Điều này được thể hiện ở nhu cầu được trải nghiệm, đánh giá bản thân. Ở nội dung này, HS khá-giỏi chiếm tỉ lệ cao hơn HS trung bình. Nói cách khác, các em HS khá-giỏi mong muốn nhiều hơn HS có học lực trung bình trong việc được đánh giá sở thích, năng lực và hứng thú của bản thân để trên cơ sở đó lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

2.2. Nhu cầu của HS THCS về hình thức TVHN

Bên cạnh việc tìm hiểu nhu cầu về nội dung TVHN của HS, chúng tôi còn tìm hiểu HS mong muốn được tư vấn theo những hình thức nào? Chúng tôi đề nghị HS đưa ra 3 hình thức tư vấn mà các em mong muốn. Kết quả khảo sát được trình bày trong bảng 2 (Xem bảng 2).

Bảng 1: Nhu cầu của HS THCS về nội dung TVHN

Nội dung TVHN	Địa bàn		Giới tính		Học lực	
	Thành phố	Nông thôn	Nam	Nữ	Giỏi Khá	Trung bình
1. Trải nghiệm khám phá bản thân	47.2**	29.6**	34.5	41.8	40.0*	25.5*
2. Thông tin về thị trường lao động trong tương lai	10.0	11.1	14.7**	6.0**	8.8	16.4
3. Thông tin về thế giới nghề nghiệp	64.4**	76.7**	71.2	69.6	71.5	67.3
4. Thông tin về các ngành học, chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo	30.6**	50.8**	41.8	41.3	40.7	50.9
5. Đánh giá sự phù hợp của bản thân với nghề nghiệp mong muốn	64.4	56.1	54.2*	66.8*	61.0	56.4
6. Giải đáp các thắc mắc về tuyển sinh trung cấp, CĐ-ĐH	17.8**	38.1**	25.4	30.4	27.8	27.3
7. Giải quyết sự khác biệt giữa mong muốn của HS và cha mẹ về nghề nghiệp	19.4	15.9	23.7**	11.4**	18.0	16.4
8. Cách đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp tương lai	32.8**	18.5**	21.5	28.8	24.4	29.1

(Ghi chú: * = $p < 0.05$; ** = $p < 0.01$)

Theo kết quả nêu trên, chúng ta thấy rằng 3 hình thức tư vấn mong muốn nhất của HS thành phố gồm: Tổ chức hoạt động TVHN thông qua hình thức thăm quan; Tổ chức cho HS tham gia thực hành một nghề nào đó trong thời gian học; Nhà tư vấn làm việc riêng với từng nhóm nhỏ HS có cùng sở thích nghề nghiệp. Còn đối với HS nông thôn, 3 hình thức tư vấn mong muốn nhiều nhất là: Tổ chức thông qua hoạt động dạy nghề, hướng nghiệp cho HS; Tư vấn đồng thời cho HS và cha mẹ; Nhà tư vấn làm việc riêng với từng nhóm nhỏ HS có cùng sở thích nghề nghiệp. Như vậy, chỉ có hình thức tư vấn "Nhà tư vấn làm việc riêng với từng nhóm nhỏ HS có cùng sở thích nghề nghiệp" là được cả HS thành phố và nông thôn lựa chọn trong 3 hình thức được nhiều em chọn nhất. Ở hình thức này, tỉ lệ HS nông thôn lựa chọn cao hơn HS thành phố. Nhưng sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, đây là một hình thức được nhiều HS mong muốn vì thông qua nhóm nhỏ HS, người làm tư vấn có thể tư vấn nhiều hơn cho các em có cùng sở thích nghề nghiệp. Xem xét những hình thức TVHN khác, chúng tôi nhận thấy 5 sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa ý kiến của HS thành phố và nông thôn. Theo đó, HS thành phố ưa thích hơn các hình thức tư vấn sau: Nhà tư vấn làm việc với từng HS; Tổ chức hoạt động TVHN thông qua hình thức thăm quan; Tổ chức cho HS tham gia thực hành một nghề nào đó trong thời gian học. Ngược lại, HS nông thôn tỏ ra mong

Bảng 2: Nhu cầu về hình thức TVHN của HS THCS

Hình thức TVHN	Địa bàn (%)		Giới tính (%)		Học lực (%)	
	Thành phố	Nông thôn	Nam	Nữ	Giỏi-khá	Trung bình
1. Tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề cho HS toàn khối theo định kì	16.0	23.4	22.0	17.4	19.9	22.2
2. Tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề định kì theo từng lớp	14.4	20.7	17.5	17.9	15.9*	27.8*
3. Nhà tư vấn làm việc với từng HS	27.1**	11.7**	21.5	17.4	20.3	18.5
4. Nhà tư vấn làm việc riêng với từng nhóm nhỏ HS có cùng sở thích nghề nghiệp	32.0	39.9	35.6	37.0	36.5	33.3
5. Tư vấn đồng thời cho HS và cha mẹ	28.7*	40.4*	31.1	38.6	34.1	35.2
6. Tổ chức hoạt động TVHN thông qua hình thức thăm quan	43.1**	23.9**	32.2	34.8	35.5	25.9
7. Mời các chuyên gia tư vấn về tuyển sinh và việc làm nói chuyện tại trường	24.9	18.1	24.3	17.4	19.9	22.2
8. Tổ chức cho HS tham gia thực hành một nghề nào đó trong thời gian học	38.7**	25.0**	31.1	33.2	34.1	25.9
9. Lồng ghép TVHN vào các môn học ở trường	21.0	29.8	19.8	29.3	25.3	22.2
10. Tổ chức thông qua hoạt động dạy nghề, hướng nghiệp cho HS	24.9**	40.4**	37.3	28.8	31.1	37.0
11. TVHN qua internet	9.9	6.9	10.7	6.0	8.4	9.3
12. TVHN qua tivi	1.1	3.7	2.3	2.7	2.0	5.6
13. TVHN qua các ngày hội tư vấn tuyển sinh	11.6	17.6	13.6	15.8	14.9	11.1

(Ghi chú: * = $p < 0.05$; ** = $p < 0.01$)

muốn nhiều hơn các hình thức: Tư vấn đồng thời cho HS và cha mẹ; Tổ chức thông qua hoạt động dạy nghề, hướng nghiệp cho HS. Như vậy, khi tiến hành TVHN, chúng ta cần chú ý đến yếu tố địa bàn sinh sống của HS để đưa ra nội dung tư vấn đáp ứng nhu cầu của các em.

Xét theo giới tính, chúng tôi không nhận thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa HS nam và HS nữ. Từ đó, chúng ta có thể nói rằng, nhu cầu về nội dung TVHN không phụ thuộc vào giới tính của HS được hỏi.

Xét về học lực, không có sự khác biệt đáng kể nào về ý kiến của hai nhóm HS đạt thành tích học tập khác nhau liên quan đến hình thức TVHN mong muốn. Duy nhất, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê liên quan đến hình thức tư vấn "Tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề định kì theo từng lớp". HS có học lực trung bình chiếm tỉ lệ cao hơn HS khá-giỏi. Thực tế, công tác hướng nghiệp cho HS thường được tổ chức với nhóm lớn ở các trường. Nhiều nơi, nhà trường tập trung cả khối lớp 9 để nói chuyện hoặc phổ biến những kiến thức, thông tin liên quan đến thi tuyển vào lớp 9 hoặc

giới thiệu một số ngành nghề trong xã hội. Hình thức này không mang lại hiệu quả cao và HS sẽ khó tập trung để nắm bắt được những thông tin cần thiết. Do đó, đối với HS có học lực trung bình, các em mong muốn được tổ chức theo từng lớp để có điều kiện nắm bắt tốt hơn và có thể tìm hiểu sâu những thông tin cần thiết liên quan đến định hướng nghề nghiệp tương lai.

2.3. Nhu cầu của HS THCS về lực lượng TVHN

Một nhu cầu khác của HS là lực lượng TVHN. Đây là một nhân tố rất quan trọng để tạo nên thành công của hoạt động tư vấn học đường nói chung và TVHN nói riêng. Kết quả khảo sát cho thấy: Phần lớn HS mong muốn người tiến hành hoạt

động tư vấn cho các em sẽ là cán bộ tư vấn chuyên nghiệp hoặc người thân quen của các em đã thành đạt trong công việc và trong cuộc sống. Thực tế cho thấy, đây là một nhu cầu hết sức chính đáng của HS. Bởi vì, để hoạt động TVHN đạt hiệu quả mong muốn thì những người thực hiện công tác này cần có kiến thức, kĩ năng và sự trải nghiệm thực tế. Hiện nay, hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông được thực hiện ở khối lớp 9 với thời lượng 9 tiết/năm. Nói cách khác, HS được học 1 tiết về hướng nghiệp trong một tháng. Tuy nhiên, trên thực tế công tác này thường được thực hiện bởi giáo viên chủ nhiệm hoặc một giáo viên bộ môn. Những giáo viên này không được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức mà thường tự làm. Do vậy, kết quả công tác này còn hạn chế nhất định. Qua trao đổi với một số giáo viên và cán bộ quản lí thì thường chỉ tập trung HS vào dịp cuối năm lớp 9 để phổ biến hình thức và các môn thi vào lớp 10 THPT. Do đó, ảnh hưởng của hoạt động hướng nghiệp ở trường THCS rất mờ nhạt và ít có tác dụng định hướng nghề nghiệp cho HS.



Theo kết quả khảo sát thu được, biến số địa bàn và giới tính có ảnh hưởng đáng kể đến nhu cầu về lực lượng TVHN của HS. Theo đó, HS thành phố chiếm tỉ lệ cao hơn khi mong muốn người tư vấn là bố mẹ/anh chị và người thân quen thành đạt. Điều này cho thấy rằng, gia đình và người thân có ảnh hưởng lớn đến lựa chọn nghề nghiệp của HS thành phố nhiều hơn HS nông thôn. Trên thực tế, cha mẹ và người thân của HS thành phố làm ngành nghề phi nông nghiệp là chính và họ cũng có những hiểu biết và mối quan hệ xã hội. Từ đó, họ có ảnh hưởng đến quá trình lựa chọn và đưa ra quyết

định nghề nghiệp của HS thành phố. Ngược lại, HS nông thôn mong muốn người tư vấn là cán bộ chuyên nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn. Bởi vì cha mẹ các em thường ít có điều kiện tiếp cận thông tin nghề nghiệp nên khó có thể định hướng nghề nghiệp cho các em. Do đó, các em mong đợi được tư vấn bởi những cán bộ chuyên trách, của giáo viên chủ nhiệm và bộ môn ở trường học (Bảng 3).

Xét theo giới tính, HS nam cũng mong muốn được tư vấn bởi bố mẹ/anh chị hoặc những người thân quen đã thành đạt. Trong khi đó, HS nữ mong muốn được cán bộ chuyên nghiệp, giáo viên chủ nhiệm TVHN. Qua đó, chúng ta hiểu rằng, sự ảnh hưởng của cha mẹ và gia đình đối với các em trai nhiều hơn so với em gái. Trong một số trường hợp, cha mẹ định hướng ngành học cho con trai để sau này có thể lo cho con một việc làm dễ dàng hơn. Con trai cũng là người chăm sóc cha mẹ và gia đình sau này nên thường được cha mẹ quan tâm hơn trong học tập và chuẩn bị việc làm tương lai chu đáo hơn so với con gái.

Đối với biến số 'học lực' của HS, kết quả kiểm định cho thấy, sự khác biệt giữa mong muốn của HS học khá-giỏi và trung bình không có ý nghĩa thống kê.

3. Kết luận

Qua việc phân tích nhu cầu về TVHN của HS tại 4 trường THCS trên địa bàn Hà Nội, chúng tôi nhận thấy rằng, biến số "địa bàn cư trú" đóng vai trò quan trọng nhất tạo ra khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhu cầu TVHN của HS nông thôn và thành thị. Biến số tiếp theo là "giới tính" cũng tạo nên sự khác biệt nhất định giữa ý kiến của HS nam và HS nữ. Điều đáng lưu ý là, 'học lực' của HS tác động không đáng kể đến nhu cầu

Bảng 3: Nhu cầu về lực lượng TVHN của HS THCS

Lực lượng tư vấn	Địa bàn		Giới tính		Học lực	
	Thành phố*	Nông thôn*	Nam**	Nữ**	Giỏi-khá	Trung bình
1.Giáo viên các bộ môn	2.9	5.9	4.6	4.4	4.2	5.5
2.Giáo viên chủ nhiệm	12.0	15.1	10.9	16.1	13.6	12.7
3.Tổng phụ trách của trường	0	1.6	1.7	0	0.7	1.8
4.Cán bộ tư vấn chuyên nghiệp	36.0	43.5	30.5	49.4	42.2	30.9
5.Bố mẹ/anh chị	21.1	9.1	17.2	11.7	15.0	10.9
6.Người thân quen đã thành đạt	24.6	22.0	30.5	16.7	21.6	32.7
7.Các anh/chị sinh viên đang học	3.4	2.7	4.6	1.7	2.8	5.5

TVHN của HS. Từ kết quả nêu trên, khi tiến hành công tác TVHN cần tính đến địa bàn sinh sống và giới tính của HS để có nội dung, hình thức tư và lực lượng vấn phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Mạnh Hà (2010), *Đặc điểm nhận thức trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 hiện nay*, Tạp chí Tâm lí học, số 5
2. Phạm Mạnh Hà (2011), *Đặc điểm tâm lí trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Tâm lí học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Hoàng Gia Trang (2012), *Xây dựng định hướng cuộc sống tương lai của HS tuổi 15-17 đang đi học tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Tâm lí học, Trường Đại học Picardie Jules Verne - Cộng hòa Pháp.
4. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 tại Nghị quyết Hội nghị TW 8 khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*.

SUMMARY

The paper addresses the need for vocational counseling for students in some lower secondary schools in Hanoi with 3 different needs: content of vocational counseling, form of vocational counseling and force of vocational counseling. The study findings showed that, need of vocational counseling differed in living places and gender. 'Learning ability' variable did not have much impact on students' counseling need. So we need to consider students' living places and gender when conducting vocational counseling.